

Số : 886 /BVUBĐN- HCQT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 6 năm 2022

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
Về việc cung cấp hóa chất giặt

Kính gửi: Quý Công Ty

Hiện nay, bệnh viện có nhu cầu cung cấp hóa chất giặt phục vụ chuyên môn. Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng kính mời quý Công ty có năng lực tham gia chào giá theo danh mục (đính kèm theo).

- Giá chào là giá đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, giao hàng tại Bệnh viện.

- Đơn vị tham gia chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, ký tên khi nộp bảng chào giá. Trong bảng chào giá phải ghi rõ hiệu lực của chào giá.

- Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín ở miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá.

- Bảng chào giá phải ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.

- Thời gian nộp chào giá: từ ngày 21/6/2022 đến hết ngày 28/6/2022.

- Nơi nhận báo giá: Phòng Hành chính Quản trị Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng. Đường Hoàng Thị Loan Tổ 28, Phường Hòa Minh, thành Phố Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3.717.140

Rất mong sự hồi đáp của Quý đơn vị. Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.CNTT (để đăng website);
- Lưu VT, HCQT.



Giám Đốc *[Signature]*

Trần Tứ Quý



DANH MỤC

(Kèm theo Thư mời chào giá số 35/BVUBĐN- HCQT ngày 21/6/2022)

STT	Tên danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa	ĐVT	Số lượng
01	Chất tẩy chlorine dùng cho quần áo	Thành phần hóa chất: Sodium Hypochlorite $\leq 12\%$ Trạng thái vật lý: Chất lỏng Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường.	Lít	3.500
02	Trợ chất giúp tẩy nhanh các vết dơ có kiềm	Thành phần hóa chất: Chất phân tán $\leq 10\%$ Chelating Agents $\leq 20\%$ Sodium Hydroxide $\leq 17\%$ Nước $\leq 80\%$ Độ bền và phản ứng Tính ổn định: Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường.	Lít	2.200
03	Hóa chất giặt chính với chất làm sáng vải có kiềm	Thành phần hóa chất: Sodium Hydroxide $\leq 17\%$ Sodium Meatsilicate $\leq 13\%$ Alcohol Ethoxylates $\leq 10\%$ Linear Alkyl Benzen Sulphonates $\leq 10\%$ Nước $\leq 74\%$ Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện sử dụng bình thường, không phải là chất độc.	Lít	1.800
04	Hóa chất tẩy trắng gốc oxygen	Thành phần hóa chất: Hydrogen Peroxide $\leq 50\%$ Trạng thái vật lý: Chất lỏng Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở điều kiện sử dụng bình thường.	Lít	1.740

STT	Tên danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa	ĐVT	Số lượng
05	Hóa chất làm mềm vải	Thành phần hóa chất: Dimethyl dialkyl Ammonium Chloride methyl bis (tallow amide methyl) 2- hydroxyethyl ammonium methyl sulphate $\leq 15\%$ Ethoxylate $\leq 10\%$ Brighterner $\leq 0.05\%$ Chất tạo mùi thơm $\leq 2\%$ Nước $\leq 90\%$ Độ bền và phản ứng Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường.	Lít	900
06	Hóa chất chua trung hòa tính kiềm	Thành phần hóa chất: Phosphoric acid $\leq 30\%$ Hydrofluoric Acid $\leq 5\%$ Nước $\leq 75\%$ Độ bền và phản ứng Tính ổn định: Ổn định dưới điều kiện sử dụng thông thường.	Lít	900

dh